



Mã số: 250311/0520:1/QTMT/REC

Tp. HCM, ngày 21 tháng 03 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY TNHH SAIGON CO-OP FAIRPRICE**
- Địa điểm lấy mẫu: **SIÊU THỊ THỦ ĐỨC CO-OP XTRA**
- Địa chỉ: 934 Quốc lộ 1A, phường Linh Trung, TP.Thủ Đức, TP.HCM
- Tên mẫu: Nước thải. Số lượng: 01 mẫu.

STT	MÃ SỐ MẪU	KÝ HIỆU/VỊ TRÍ LẤY MẪU
1	NT3.250311	0311/NT/U-COM-LT/1: Đầu vào HTXL nước thải (Tọa độ: X = 1204107; Y = 611952)

5. Ngày lấy mẫu: 11/03/2025

6. Kết quả thử nghiệm:

STT	THÔNG SỐ/ ĐƠN VỊ		PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ	QCVN 14:2008/BTNMT Cột B
				NT3.250311	
1	pH (a)(c)	--	TCVN 6492:2011	6,70	5 - 9
2	BOD ₅ (a)	mg/L	SMEWW 5210B:2023	812	50
3	TSS(a)	mg/L	TCVN 6625:2000	950	100
4	COD(a)	mg/L	SMEWW 5220C:2023	1.239	--
5	Dầu mỡ ĐTV(a)	mg/L	SMEWW 5520.B&F:2023	15,7	20
6	TDS(a)(c)	mg/L	PPNB01/HDHT/REC	156	1.000
7	S ²⁻ (a)	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2023	0,28	4
8	P_PO ₄ ³⁻ (a)	mg/L	SMEWW 4500-PO ₄ ³⁻ .E:2023	0,21	10
9	N_NO ₃ ⁻ (a)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2023	0,95	50
10	N_NH ₄ ⁺ (a)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2023	1,87	10
11	Chất hoạt động bề mặt(a)	mg/L	SMEWW 5540.B&C:2023	KPH (MDL=0,06)	10
12	Coliform(d)	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023	6,1x10 ⁵	5.000

Ghi chú: Dấu (--) Không quy định; Cán bộ QC: Dương Hoàng Thanh Thảo

P. Phòng thí nghiệm

Dương Hoàng Thanh Thảo

K.T. Giám đốc



Nguyễn Thị Thúy Hạ

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm NC & TV Môi trường (REC).
- Dấu (a): Chỉ tiêu được Vimecerts công nhận; Dấu (b): Chỉ tiêu được BoA công nhận; Dấu (c): Chỉ tiêu thực hiện tại hiện trường.
- Dấu (d): Chỉ tiêu do NTP – Vimecert 039 thực hiện
- Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm



Mã số: 250311/0521:1/QTMT/REC

Tp. HCM, ngày 21 tháng 03 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY TNHH SAIGON CO-OP FAIRPRICE**
- Địa điểm lấy mẫu: **SIÊU THỊ THỦ ĐỨC CO-OP XTRA**
- Địa chỉ: 934 Quốc lộ 1A, phường Linh Trung, TP.Thủ Đức, TP.HCM
- Tên mẫu: Nước thải. Số lượng: 01 mẫu.

STT	MÃ SỐ MẪU	KÝ HIỆU/VỊ TRÍ LẤY MẪU
1	NT4.250311	0311/NT/U-COM-LT/2: Sau HTXL nước thải (Tọa độ: X = 1204208; Y = 611969)

5. Ngày lấy mẫu: 11/03/2025

6. Kết quả thử nghiệm:

STT	THÔNG SỐ/ ĐƠN VỊ		PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ	QCVN 14:2008/BTNMT Cột B
				NT4.250311	
1	pH ^{(a)(c)}	--	TCVN 6492:2011	6,43	5 - 9
2	BOD ₅ ^(a)	mg/L	SMEWW 5210B:2023	34	50
3	TSS ^(a)	mg/L	TCVN 6625:2000	39,5	100
4	COD ^(a)	mg/L	SMEWW 5220C:2023	61	--
5	Dầu mỡ ĐTV ^(a)	mg/L	SMEWW 5520.B&F:2023	KPH (MDL=1)	20
6	TDS ^{(a)(c)}	mg/L	PPNB01/HDHT/REC	190	1.000
7	S ²⁻ ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2023	KPH (MD=0,05)	4
8	P_PO ₄ ³⁻ ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-PO ₄ ³⁻ .E:2023	0,36	10
9	N_NO ₃ ⁻ ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2023	4,92	50
10	N_NH ₄ ⁺ ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2023	0,32	10
11	Chất hoạt động bề mặt ^(a)	mg/L	SMEWW 5540.B&C:2023	KPH (MDL=0,06)	10
12	Coliform ^(d)	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023	2,8x10 ³	5.000

Ghi chú: Dấu (--) Không quy định; Cán bộ QC: Dương Hoàng Thanh Thảo

P. Phòng thí nghiệm

Dương Hoàng Thanh Thảo

KT. Giám đốc



Nguyễn Thị Thúy Hạ

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm NC & TV Môi trường (REC).
- Dấu (a): Chỉ tiêu được Vimecert công nhận; Dấu (b): Chỉ tiêu được BoA công nhận; Dấu (c): Chỉ tiêu thực hiện tại hiện trường.
- Dấu (d): Chỉ tiêu do NTP – Vimecert 039 thực hiện
- Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm



Mã số: 250311/0522:1/QTMT/REC

Tp. HCM, ngày 21 tháng 03 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY TNHH SAIGON CO-OP FAIRPRICE**
- Địa điểm lấy mẫu: **SIÊU THỊ THỦ ĐỨC CO-OP XTRA**
- Địa chỉ: 934 Quốc lộ 1A, phường Linh Trung, TP.Thủ Đức, TP.HCM
- Tên mẫu: Khí thải. Số lượng: 01 mẫu.

STT	MÃ SỐ MẪU	KÝ HIỆU/VỊ TRÍ LẤY MẪU
1	KT4.250311	0311/KT/U-COM-LT/1: Ống khói máy phát điện (Tọa độ: X = 1202052; Y = 611929)

5. Ngày lấy mẫu: 11/03/2025

6. Kết quả thử nghiệm:

STT	THÔNG SỐ/ĐƠN VỊ		PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ	QCVN 19:2009/BTNMT (Cột B)
				KT4.250311	
1	Bụi (a)	mg/Nm ³	US EPA Method 5	27,5	200
2	SO ₂ (a)(c)	mg/Nm ³	HDKT – 01	< 2,62	500
3	NO _x (a)(c)	mg/Nm ³		381	850
4	CO (a)(c)	mg/Nm ³		439	1000

Ghi chú: Cán bộ QC: Dương Hoàng Thanh Thảo

P. Phòng thí nghiệm

Dương Hoàng Thanh Thảo

KT. Giám đốc



Nguyễn Thị Thúy Hạ

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm NC & TV Môi trường (REC).
- Dấu (a): Chỉ tiêu được Vincerts công nhận; Dấu (b): Chỉ tiêu được BoA công nhận; Dấu (c): Chỉ tiêu thực hiện tại hiện trường.
- Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm



Mã số: 250311/0520:1/QTMT/REC

Tp. HCM, ngày 21 tháng 03 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY TNHH SAIGON CO-OP FAIRPRICE**
- Địa điểm lấy mẫu: **SIÊU THỊ THỦ ĐỨC CO-OP XTRA**
- Địa chỉ: 934 Quốc lộ 1A, phường Linh Trung, TP.Thủ Đức, TP.HCM
- Tên mẫu: Nước thải. Số lượng: 01 mẫu.

STT	MÃ SỐ MẪU	KÝ HIỆU/VỊ TRÍ LẤY MẪU
1	NT3.250311	0311/NT/U-COM-LT/1: Đầu vào HTXL nước thải (Tọa độ: X = 1204107; Y = 611952)

5. Ngày lấy mẫu: 11/03/2025

6. Kết quả thử nghiệm:

STT	THÔNG SỐ/ ĐƠN VỊ		PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ	QCVN 14:2008/BTNMT Cột B
				NT3.250311	
1	pH (a)(c)	--	TCVN 6492:2011	6,70	5 - 9
2	BOD ₅ (a)	mg/L	SMEWW 5210B:2023	812	50
3	TSS(a)	mg/L	TCVN 6625:2000	950	100
4	COD(a)	mg/L	SMEWW 5220C:2023	1.239	--
5	Dầu mỡ ĐTV(a)	mg/L	SMEWW 5520.B&F:2023	15,7	20
6	TDS(a)(c)	mg/L	PPNB01/HDHT/REC	156	1.000
7	S ²⁻ (a)	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2023	0,28	4
8	P_PO ₄ ³⁻ (a)	mg/L	SMEWW 4500-PO ₄ ³⁻ .E:2023	0,21	10
9	N_NO ₃ ⁻ (a)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2023	0,95	50
10	N_NH ₄ ⁺ (a)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2023	1,87	10
11	Chất hoạt động bề mặt(a)	mg/L	SMEWW 5540.B&C:2023	KPH (MDL=0,06)	10
12	Coliform(d)	MPN/ 100mL	SMEWW 9221B:2023	6,1x10 ⁵	5.000

Ghi chú: Dấu (--) Không quy định; Cán bộ QC: Dương Hoàng Thanh Thảo

P. Phòng thí nghiệm

Dương Hoàng Thanh Thảo

KP. Giám đốc



Nguyễn Thị Thúy Hạ

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm NC & TV Môi trường (REC).
- Dấu (a): Chỉ tiêu được Vincerts công nhận; Dấu (b): Chỉ tiêu được BoA công nhận; Dấu (c): Chỉ tiêu thực hiện tại hiện trường.
- Dấu (d): Chỉ tiêu do NTP – Vincert 039 thực hiện
- Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm



Mã số: 250311/0521:1/QTMT/REC

Tp. HCM, ngày 21 tháng 03 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY TNHH SAIGON CO-OP FAIRPRICE**
- Địa điểm lấy mẫu: **SIÊU THỊ THỦ ĐỨC CO-OP XTRA**
- Địa chỉ: 934 Quốc lộ 1A, phường Linh Trung, TP.Thủ Đức, TP.HCM
- Tên mẫu: Nước thải. Số lượng: 01 mẫu.

STT	MÃ SỐ MẪU	KÝ HIỆU/VỊ TRÍ LẤY MẪU
1	NT4.250311	0311/NT/U-COM-LT/2: Sau HTXL nước thải (Tọa độ: X = 1204208; Y = 611969)

5. Ngày lấy mẫu: 11/03/2025

6. Kết quả thử nghiệm:

STT	THÔNG SỐ/ ĐƠN VỊ		PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ	QCVN 14:2008/BTNMT Cột B
				NT4.250311	
1	pH ^{(a)(c)}	--	TCVN 6492:2011	6,43	5 - 9
2	BOD ₅ ^(a)	mg/L	SMEWW 5210B:2023	34	50
3	TSS ^(a)	mg/L	TCVN 6625:2000	39,5	100
4	COD ^(a)	mg/L	SMEWW 5220C:2023	61	--
5	Dầu mỡ ĐTV ^(a)	mg/L	SMEWW 5520.B&F:2023	KPH (MDL=1)	20
6	TDS ^{(a)(c)}	mg/L	PPNB01/HDHT/REC	190	1.000
7	S ²⁻ ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2023	KPH (MD=0,05)	4
8	P_PO ₄ ³⁻ ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-PO ₄ ³⁻ .E:2023	0,36	10
9	N_NO ₃ ⁻ ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2023	4,92	50
10	N_NH ₄ ⁺ ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2023	0,32	10
11	Chất hoạt động bề mặt ^(a)	mg/L	SMEWW 5540.B&C:2023	KPH (MDL=0,06)	10
12	Coliform ^(d)	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023	2,8x10 ³	5.000

Ghi chú: Dấu (--) Không quy định; Cán bộ QC: Dương Hoàng Thanh Thảo

P. Phòng thí nghiệm

Dương Hoàng Thanh Thảo

KT. Giám đốc



Nguyễn Thị Thúy Hạ

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm NC & TV Môi trường (REC).
- Dấu (a): Chỉ tiêu được Vimecerts công nhận; Dấu (b): Chỉ tiêu được BoA công nhận; Dấu (c): Chỉ tiêu thực hiện tại hiện trường.
- Dấu (d): Chỉ tiêu do NTP – Vimecert 039 thực hiện
- Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm



Mã số: 250311/0522:1/QTMT/REC

Tp. HCM, ngày 21 tháng 03 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY TNHH SAIGON CO-OP FAIRPRICE**
- Địa điểm lấy mẫu: **SIÊU THỊ THỦ ĐỨC CO-OP XTRA**
- Địa chỉ: 934 Quốc lộ 1A, phường Linh Trung, TP.Thủ Đức, TP.HCM
- Tên mẫu: Khí thải. Số lượng: 01 mẫu.

STT	MÃ SỐ MẪU	KÝ HIỆU/VỊ TRÍ LẤY MẪU
1	KT4.250311	0311/KT/U-COM-LT/1: Ống khói máy phát điện (Tọa độ: X = 1202052; Y = 611929)

5. Ngày lấy mẫu: 11/03/2025

6. Kết quả thử nghiệm:

STT	THÔNG SỐ/ĐƠN VỊ		PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ	QCVN 19:2009/BTNMT (Cột B)
				KT4.250311	
1	Bụi (a)	mg/Nm ³	US EPA Method 5	27,5	200
2	SO ₂ (a)(c)	mg/Nm ³	HDKT – 01	< 2,62	500
3	NO _x (a)(c)	mg/Nm ³		381	850
4	CO (a)(c)	mg/Nm ³		439	1000

Ghi chú: Cán bộ QC: Dương Hoàng Thanh Thảo

P. Phòng thí nghiệm

Dương Hoàng Thanh Thảo

KT. Giám đốc



Nguyễn Thị Thúy Hạ



Mã số: 250311/0520:1/QTMT/REC

Tp. HCM, ngày 21 tháng 03 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY TNHH SAIGON CO-OP FAIRPRICE**
- Địa điểm lấy mẫu: **SIÊU THỊ THỦ ĐỨC CO-OP XTRA**
- Địa chỉ: 934 Quốc lộ 1A, phường Linh Trung, TP.Thủ Đức, TP.HCM
- Tên mẫu: Nước thải. Số lượng: 01 mẫu.

STT	MÃ SỐ MẪU	KÝ HIỆU/VỊ TRÍ LẤY MẪU
1	NT3.250311	0311/NT/U-COM-LT/1: Đầu vào HTXL nước thải (Tọa độ: X = 1204107; Y = 611952)

5. Ngày lấy mẫu: 11/03/2025

6. Kết quả thử nghiệm:

STT	THÔNG SỐ/ ĐƠN VỊ		PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ	QCVN 14:2008/BTNMT Cột B
				NT3.250311	
1	pH ^{(a)(c)}	--	TCVN 6492:2011	6,70	5 - 9
2	BOD ₅ ^(a)	mg/L	SMEWW 5210B:2023	812	50
3	TSS ^(a)	mg/L	TCVN 6625:2000	950	100
4	COD ^(a)	mg/L	SMEWW 5220C:2023	1.239	--
5	Dầu mỡ ĐTV ^(a)	mg/L	SMEWW 5520.B&F:2023	15,7	20
6	TDS ^{(a)(c)}	mg/L	PPNB01/HDHT/REC	156	1.000
7	S ²⁻ ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2023	0,28	4
8	P_PO ₄ ³⁻ ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-PO ₄ ³⁻ .E:2023	0,21	10
9	N_NO ₃ ⁻ ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2023	0,95	50
10	N_NH ₄ ⁺ ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2023	1,87	10
11	Chất hoạt động bề mặt ^(a)	mg/L	SMEWW 5540.B&C:2023	KPH (MDL=0,06)	10
12	Coliform ^(d)	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023	6,1x10 ⁵	5.000

Ghi chú: Dấu (--) Không quy định; Cán bộ QC: Dương Hoàng Thanh Thảo**P. Phòng thí nghiệm****Dương Hoàng Thanh Thảo****KT. Giám đốc****Nguyễn Thị Thúy Hạ**

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm NC & TV Môi trường (REC).
- Dấu (a): Chỉ tiêu được Vincerts công nhận; Dấu (b): Chỉ tiêu được BoA công nhận; Dấu (c): Chỉ tiêu thực hiện tại hiện trường.
- Dấu (d): Chỉ tiêu do NTP – Vincert 039 thực hiện
- Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm



Mã số: 250311/0521:1/QTMT/REC

Tp. HCM, ngày 21 tháng 03 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY TNHH SAIGON CO-OP FAIRPRICE**
- Địa điểm lấy mẫu: **SIÊU THỊ THỦ ĐỨC CO-OP XTRA**
- Địa chỉ: 934 Quốc lộ 1A, phường Linh Trung, TP.Thủ Đức, TP.HCM
- Tên mẫu: Nước thải. Số lượng: 01 mẫu.

STT	MÃ SỐ MẪU	KÝ HIỆU/VỊ TRÍ LẤY MẪU
1	NT4.250311	0311/NT/U-COM-LT/2: Sau HTXL nước thải (Tọa độ: X = 1204208; Y = 611969)

5. Ngày lấy mẫu: 11/03/2025

6. Kết quả thử nghiệm:

STT	THÔNG SỐ/ ĐƠN VỊ		PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ	QCVN 14:2008/BTNMT Cột B
				NT4.250311	
1	pH ^{(a)(c)}	--	TCVN 6492:2011	6,43	5 - 9
2	BOD ₅ ^(a)	mg/L	SMEWW 5210B:2023	34	50
3	TSS ^(a)	mg/L	TCVN 6625:2000	39,5	100
4	COD ^(a)	mg/L	SMEWW 5220C:2023	61	--
5	Dầu mỡ ĐTV ^(a)	mg/L	SMEWW 5520.B&F:2023	KPH (MDL=1)	20
6	TDS ^{(a)(c)}	mg/L	PPNB01/HDHT/REC	190	1.000
7	S ^{2-(a)}	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2023	KPH (MD=0,05)	4
8	P_PO ₄ ^{3-(a)}	mg/L	SMEWW 4500-PO ₄ ³⁻ .E:2023	0,36	10
9	N_NO ₃ ^{-(a)}	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2023	4,92	50
10	N_NH ₄ ^{+(a)}	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2023	0,32	10
11	Chất hoạt động bề mặt ^(a)	mg/L	SMEWW 5540.B&C:2023	KPH (MDL=0,06)	10
12	Coliform ^(d)	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023	2,8x10 ³	5.000

Ghi chú: Dấu (--) Không quy định; Cán bộ QC: Dương Hoàng Thanh Thảo

P. Phòng thí nghiệm

Dương Hoàng Thanh Thảo

KT. Giám đốc



Nguyễn Thị Thúy Hạ

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm NC & TV Môi trường (REC).
- Dấu (a): Chỉ tiêu được Vincerts công nhận; Dấu (b): Chỉ tiêu được BoA công nhận; Dấu (c): Chỉ tiêu thực hiện tại hiện trường.
- Dấu (d): Chỉ tiêu do NTP – Vincert 039 thực hiện
- Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm



Mã số: 250311/0522:1/QTMT/REC

Tp. HCM, ngày 21 tháng 03 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY TNHH SAIGON CO-OP FAIRPRICE**
- Địa điểm lấy mẫu: **SIÊU THỊ THỦ ĐỨC CO-OP XTRA**
- Địa chỉ: 934 Quốc lộ 1A, phường Linh Trung, TP.Thủ Đức, TP.HCM
- Tên mẫu: Khí thải. Số lượng: 01 mẫu.

STT	MÃ SỐ MẪU	KÝ HIỆU/VỊ TRÍ LẤY MẪU
1	KT4.250311	0311/KT/U-COM-LT/1: Ống khói máy phát điện (Tọa độ: X = 1202052; Y = 611929)

5. Ngày lấy mẫu: 11/03/2025

6. Kết quả thử nghiệm:

STT	THÔNG SỐ/ĐƠN VỊ		PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ	QCVN 19:2009/BTNMT (Cột B)
				KT4.250311	
1	Bụi (a)	mg/Nm ³	US EPA Method 5	27,5	200
2	SO ₂ (a)(c)	mg/Nm ³	HDKT – 01	< 2,62	500
3	NO _x (a)(c)	mg/Nm ³		381	850
4	CO (a)(c)	mg/Nm ³		439	1000

Ghi chú: Cán bộ QC: Dương Hoàng Thanh Thảo

P. Phòng thí nghiệm

Dương Hoàng Thanh Thảo

KT. Giám đốc



Nguyễn Thị Thúy Hạ

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm NC & TV Môi trường (REC).
- Dấu (a): Chỉ tiêu được Vimecerts công nhận; Dấu (b): Chỉ tiêu được BoA công nhận; Dấu (c): Chỉ tiêu thực hiện tại hiện trường.
- Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm